

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 28/3/2022

V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Thanh Tuấn

2. Bà Thạch Thị Lan Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 453/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2021 về việc: “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số 25, tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Thanh V, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Số 25, tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H, ông V đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Phan Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông V xây dựng gia

đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là vào năm 2020 thì mâu thuẫn giữa bà và ông V trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, trong các nuôi dạy con nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay bà H xác định không còn tình cảm với ông V nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà và ông V là vợ chồng. Về con chung: Bà H xác định giữa ông bà có 03 con chung là Võ Anh N, sinh ngày 02/5/1992; Võ Nguyên V1, sinh ngày 24/3/1995 và Võ Gia H1, sinh ngày 25/3/2010. Hiện nay cháu N và cháu V1 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đã có gia đình riêng nên bà H không có ý kiến gì. Khi Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông V là vợ chồng thì bà H yêu cầu giao cháu H1 cho ông V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà H không trình bày gì thêm.

Bị đơn ông Võ Thanh V trình bày: Ông và bà H xây dựng gia đình với nhau năm 1991, trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong việc phát triển kinh tế gia đình nên hay cãi nhau, do không tìm được tiếng nói chung nên ông bà đã tự sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Bà H hiện ở thôn 1, xã R, huyện Đ, còn ông vẫn ở huyện L. Nay ông V xác định không còn tình cảm với bà H nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà H là vợ chồng thì ông đồng ý. Về con chung: Ông V xác định giữa ông và bà H có 03 con chung là Võ Anh N, sinh ngày 02/5/1992, Võ Nguyên V1, sinh ngày 24/3/1995 và Võ Gia H1, sinh ngày 25/3/2010. Hiện nay cháu N và cháu V1 đã đủ tuổi trưởng thành, phát triển bình thường và đã có gia đình riêng nên ông V không có ý kiến gì. Khi Tòa án giải quyết không công nhận ông và bà H là vợ chồng thì ông yêu cầu được trực tiếp

nuôi cháu H1, không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông và bà H đã tự thỏa thuận từ 2015, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung ông V xác định không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, xử không công nhận bà H và ông V là vợ chồng. Về con chung: đề nghị giao con là Võ Gia H1 cho ông V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà H, ông V vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông V không có mặt tại phiên tòa nhưng theo lời khai có trong hồ sơ thì các đương sự cùng xác định ông bà xây dựng gia đình với nhau vào năm 1991, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mâu thuẫn phát sinh nên bà H yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa bà H và ông V, Tòa án đã vận động bà H rút đơn khởi kiện tuy nhiên bà H không đồng ý. Các đương sự cùng xác định không thể tiếp tục chung

sống, đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay nên đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông V. Xét thấy, bà H và ông V xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán được hai bên gia đình thừa nhận nhưng lại không đăng ký kết hôn theo quy định, nay cả hai ông bà đều xác định tình cảm không còn khả năng để cải thiện và yêu cầu Tòa án giải quyết dứt điểm quan hệ hôn nhân nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và Gia đình, xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, tuyên bố không công nhận bà H và ông V là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Qua lời thừa nhận của bà H với ông V và chứng cứ do các bên xuất trình xác định bà H và ông V có 03 con chung là Anh Nguyên, sinh ngày 02/5/1992, Võ Nguyên V1, sinh ngày 24/3/1995 và Võ Gia H1, sinh ngày 25/3/2010. Cả bà H và ông V đều xác định các con chung là cháu N và cháu V1 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa án không đặt ra để giải quyết mà đây là trách nhiệm làm cha, làm mẹ của bà H và ông V với các con. Đối với cháu H1 thì bà H và ông V thỏa thuận giao cho ông V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Xét thấy, kể từ khi bà H và ông V ly thân đến nay, cháu H1 vẫn do ông V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hơn nữa, cháu H1 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống với bố khi bố mẹ ly hôn nên căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình cần tiếp tục giao cháu H1 cho ông V có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con: ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ kiện khác theo thủ tục chung.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H phải

chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ H, tuyên bố không công nhận bà Phan Thị Mỹ H và ông Võ Thanh V là vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao con là Võ Gia H1, sinh ngày 25/3/2010 cho ông Võ Thanh V có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Bà Phan Thị Mỹ H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Bà Phan Thị Mỹ H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0002832 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, bà H đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Như Quỳnh